

Số: 60/BC-THHHA

*Hải Hòa, ngày 31 tháng 5 năm 2025*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm học 2024 - 2025**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở giáo dục

Tên trường: Trường Tiểu học Hải Hòa, xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2. Địa chỉ: Xóm Xuân Đài Tây, xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

- Điện thoại: 0972647789

- Gmail: th14haihoa@gmail.com

- Website: <http://thhaihoahh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: “Xây dựng môi trường học tập thân thiện, tôn trọng sự khác biệt. Giáo dục học sinh lòng nhân ái, hướng về cộng đồng”.

- Tầm nhìn “Trở thành một trường có uy tín, chất lượng mang đến môi trường giáo dục tận tâm và phát triển toàn diện cho mỗi học sinh”.

- Mục tiêu đào tạo: Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức và trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng sống cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên và khả năng thích ứng cao.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Hải Hòa, xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định - Xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao - cách trung tâm huyện 18 km về phía nam. Tiểu học Hải Hòa được tách ra từ trường Trung học cơ sở xã Hải Hòa từ năm 1993, những ngày đầu thành lập trường gặp rất nhiều khó khăn: phải dạy ở những khu nhỏ lẻ, cơ sở vật chất thiếu thốn nhiều mặt. Từ năm 2007 đến nay trường

được xây mới 18 phòng học và 8 phòng chức năng. Trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ I năm 2010. Trải qua 27 năm phấn đấu xây dựng, phát triển và trưởng thành đến nay, trường đã có 20 phòng học và 17 phòng chức năng, sân chơi, bãi tập, vườn trường tương đối thuận tiện trong công tác giảng dạy và học tập, đảm bảo đủ điều kiện cho sự phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đổi mới.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định, Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu, thầy và trò trường Tiểu học Hải Hòa không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm hỗ trợ đầu tư lớn về cơ sở vật chất và tinh thần của Đảng bộ, HĐND, UBND xã, Huyện uỷ - UBND Huyện, Phòng GD&ĐT Hải Hậu, các ban ngành đoàn thể xã hội và Hội cha mẹ học sinh trong nhà trường đã thực hiện tốt đề án: “Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng kiên cố hoá trường học, mua sắm thêm trang thiết bị và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện”. Nhà trường đã phấn đấu xây dựng trường Tiểu học Hải Hòa trở thành trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, trường “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” vào tháng 7 năm 2014. Hai năm 2014; 2015 nhà trường đã vinh dự được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu công nhận là đơn vị đạt chuẩn văn hóa. Công đoàn trường đã có nhiều năm được Công đoàn giáo dục tỉnh Nam Định và công đoàn giáo dục huyện Hải Hậu tặng giấy khen. Tháng 5 năm 2016 trường được đoàn đánh giá ngoài của Sở giáo dục về kiểm tra công nhận Nhà trường đạt chuẩn Kiểm định chất lượng cấp độ 3. Tháng 12 năm 2021, nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định công nhận lại trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; đạt kiểm định CLGD cấp độ 3; Năm học 2024-2025, nhà trường được UBND huyện xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

Đội ngũ giáo viên tương đối ổn định luôn nhiệt huyết và yêu nghề luôn sáng tạo năng động trong việc đổi mới trong mọi hoạt động giáo dục và dạy học, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn.

Chi bộ Đảng liên tục được công nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh. Công đoàn trường nhiều năm được công nhận Công đoàn cơ sở vững mạnh.

Trong suốt quá trình trưởng thành và phát triển, trường liên tục đạt danh hiệu trường “Tập thể Lao động Tiên tiến”.

\* Các danh hiệu thi đua đã đạt được trong 5 năm gần đây:

| Năm       | Danh hiệu thi đua          | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định |
|-----------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2020-2021 | Tập thể Lao động Tiên tiến | Quyết định số 7250/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu                  |
| 2021-2022 | Tập thể Lao động Tiên tiến | Quyết định số 8695/QĐ-UBND, ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu                 |
| 2022-2023 | Tập thể Lao động Tiên tiến | Quyết định số 6438/QĐ-UBND, ngày 21/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu                 |
| 2023-2024 | Tập thể Lao động Tiên tiến | Quyết định số 7106/QĐ-UBND, ngày 15/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu                 |
| 2024-2025 | Tập thể Lao động Tiên tiến | Quyết định số 4826/QĐ-UBND, ngày 20/5/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu                 |

Quy mô trường lớp liên tục phát triển và ổn định. Năm học 2024-2025 trường có 20 lớp với 766 học sinh; 33 cán bộ, giáo viên, nhân viên (01 giáo viên văn hóa và 01 nhân viên Thư viện thiết bị hợp đồng).

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Bà Phạm Thị Yên

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm Xuân Đài Tây, xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Số điện thoại: 0972647789

Gmail: [phamthiyenthb@gmail.com](mailto:phamthiyenthb@gmail.com)

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có): Trường Tiểu học Hải Hòa được thành lập từ năm 1993.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường

được kiện toàn theo Quyết định số 10249/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Hải Hậu nhiệm kỳ 2020-2025. Hội đồng trường gồm 09 thành viên: Bí thư Chi bộ-Hiệu trưởng nhà trường; Chủ tịch Công đoàn; bí thư Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Bà Phạm Thị Yên: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng trường; Ông Phan Thanh Quang - Phó Hiệu trưởng, Phó Bí thư Chi bộ làm Phó chủ tịch hội đồng trường; Bà Nguyễn Thị Hiền làm thư kí Hội đồng trường.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Phạm Thị Yên

+ Ngày tháng năm sinh: 28/01/1971

+ Bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Hải Hòa theo Quyết định số 3793/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu và bổ nhiệm lại theo Quyết định số 6850/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND Huyện Hải Hậu.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 6 năm.

- Phó Hiệu trưởng: Phan Thanh Quang

+ Ngày tháng năm sinh: 24/06/1971

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Hải Hòa theo quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 22/2/2011 của UBND huyện Hải Hậu và bổ nhiệm lại theo Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2021 của UBND Huyện Hải Hậu.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 13 năm.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; quy chế chuyên môn; quy tắc ứng xử.

## **II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

**1. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Tiểu học Hải Hòa năm học 2024-2025 (Tính đến thời điểm 31/5/2025).**

- Trình độ đội ngũ:

| Nội dung     | Tổng số | Trình độ đào tạo |       |          |     |           |     | Đảng viên |      | LLCT |
|--------------|---------|------------------|-------|----------|-----|-----------|-----|-----------|------|------|
|              |         | Đại học          |       | Cao đẳng |     | Trung cấp |     |           |      |      |
|              |         | SL               | %     | SL       | %   | SL        | %   | SL        | %    |      |
| BGH          | 2       | 2                | 100   | 0        | 0   | 0         | 0   | 2         | 48,3 | 2    |
| GVBC         | 27      | 27               |       | 0        |     | 0         |     | 12        |      | 2    |
| GVHĐ         | 1       | 1                | 100,0 | 0        | 0   | 0         | 0   | 1         | 100  | 0    |
| Nhân viên BC | 2       | 0                | 0     | 2        | 100 | 0         | 0   | 1         | 50   | 0    |
| Nhân viên HĐ | 1       | 0                | 0     | 0        | 0   | 1         | 100 | 0         | 0    | 0    |
| Cộng         | 33      | 30               | 90,9  | 2        | 6,1 | 1         | 3,0 | 16        | 48,5 | 4    |

\* Công khai thông tin đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên biên chế giao năm học 2024-2025:

| STT       | Nội dung                                                             | Tổng số BC | Trình độ đào tạo |     |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |         | Chuẩn nghề nghiệp |     |     |          |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-----|----|----|----|---------|----------------------------|----------|---------|-------------------|-----|-----|----------|
|           |                                                                      |            | TS               | ThS | ĐH | CD | TC | Dưới TC | Hạng IV                    | Hạng III | Hạng II | Tốt               | Khá | Đạt | Chưa đạt |
|           | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (31 viên chức)</b> | 31         | 0                | 0   | 29 | 2  | 0  | 0       | 2                          | 25       | 4       | 29                | 0   | 0   | 0        |
| <b>I</b>  | <b>Giáo viên (27 viên chức)</b>                                      | 27         | 0                | 0   | 27 | 0  | 0  | 0       | 0                          | 25       | 2       | 27                | 0   | 0   | 0        |
|           | Trong đó số giáo viên chuyên:                                        | 8          | 0                | 0   | 8  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 8        | 0       | 8                 | 0   | 0   | 0        |
| 1         | Tiếng dân tộc                                                        | 0          | 0                | 0   |    | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 0       | 0                 | 0   | 0   | 0        |
| 2         | Ngoại ngữ                                                            | 2          | 0                | 0   | 2  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 1        | 0       | 2                 | 0   | 0   | 0        |
| 3         | Tin học                                                              | 1          | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 1        | 0       | 1                 | 0   | 0   | 0        |
| 4         | Âm nhạc                                                              | 2          | 0                | 0   | 2  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 2        | 0       | 1                 | 0   | 0   | 0        |
| 5         | Mỹ thuật                                                             | 1          | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 1        | 0       | 1                 | 0   | 0   | 0        |
| 6         | Thể dục                                                              | 2          | 0                | 0   | 2  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 2        | 0       | 2                 | 0   | 0   | 0        |
| <b>II</b> | <b>Cán bộ quản lý</b>                                                | 2          | 0                | 0   | 2  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 2       | 2                 | 0   | 0   | 0        |
| 1         | Hiệu trưởng                                                          | 1          | 0                | 0   | 1  | 0  | 0  | 0       | 0                          | 0        | 1       | 1                 | 0   | 0   | 0        |

|            |                                |          |          |          |          |          |          |          |          |          |          |   |   |   |   |
|------------|--------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|---|---|---|---|
| 2          | Phó Hiệu trưởng                | 1        | 0        | 0        | 1        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 1        | 1 | 0 | 0 | 0 |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>               | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>2</b> | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1          | Nhân viên văn thư              | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2          | Nhân viên kế toán              | 1        | 0        | 0        | 0        | 1        | 0        | 0        | 1        | 0        | 0        | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3          | Thủ quỹ                        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4          | Nhân viên y tế                 | 1        | 0        | 0        | 0        | 1        | 0        | 0        | 1        | 0        | 0        | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5          | Nhân viên thư viện             | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6          | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7          | Nhân viên công nghệ thông tin  | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8          | Nhân viên hỗ trợ GD người KT   | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0 | 0 | 0 | 0 |

### III. Cơ sở vật chất:

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học Hải Hòa năm học 2024 - 2025 (Tính đến thời điểm 31/5/2025):

| STT        | Nội dung                                                             | Số lượng | Bình quân                     |
|------------|----------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Số phòng học/số lớp</b>                                           | 20/20    |                               |
| <b>II</b>  | <b>Loại phòng học</b>                                                |          |                               |
| 1          | Phòng học kiên cố                                                    | 20       |                               |
| 2          | Phòng học bán kiên cố                                                | 0        |                               |
| 3          | Phòng học tạm                                                        | 0        |                               |
| 4          | Phòng học nhờ, mượn                                                  | 0        |                               |
| <b>III</b> | <b>Số điểm trường lẻ</b>                                             | 0        |                               |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>                            | 8125     | 10,6 m <sup>2</sup> /học sinh |
| <b>V</b>   | <b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>                   | 5637     | 7,4 m <sup>2</sup> /học sinh  |
| <b>VI</b>  | <b>Tổng diện tích các phòng</b>                                      |          |                               |
| 1          | Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )                                | 1025     | 1,3 m <sup>2</sup> /học sinh  |
| 2          | Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )                                 | 100      | 0,13 m <sup>2</sup> /học sinh |
| 3          | Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> ) |          |                               |
| 4          | Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )                | 45       | 1,13 m <sup>2</sup> /học sinh |
| 5          | Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )                          | 50       | 1,25 m <sup>2</sup> /học sinh |
| 6          | Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )                        | 50       | 1,25 m <sup>2</sup> /học sinh |
| 7          | Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )                  | 35       |                               |

|             |                                                                                |     |                                                                                         |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 8           | Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập ( $m^2$ )     | 24  |                                                                                         |
| 9           | Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội ( $m^2$ )                        | 35  |                                                                                         |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)                    |     |                                                                                         |
| 1           | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định                       |     |                                                                                         |
| 1.1         | Khối lớp 1                                                                     | 4/4 | 1 bộ/lớp                                                                                |
| 1.2         | Khối lớp 2                                                                     | 4/4 | 1 bộ/lớp                                                                                |
| 1.3         | Khối lớp 3                                                                     |     | Dùng học liệu điện tử                                                                   |
| 1.4         | Khối lớp 4                                                                     |     |                                                                                         |
| 1.5         | Khối lớp 5                                                                     |     |                                                                                         |
| 2           | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định                   |     | Cơ bản còn thiếu chỉ sử dụng SGK và các học liệu điện tử kết hợp đồ dùng tự làm của GV. |
| 2.1         | Khối lớp 1                                                                     |     |                                                                                         |
| 2.2         | Khối lớp 2                                                                     |     |                                                                                         |
| 2.3         | Khối lớp 3                                                                     |     |                                                                                         |
| 2.4         | Khối lớp 4                                                                     |     |                                                                                         |
| 2.5         | Khối lớp 5                                                                     |     |                                                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ) | 27  |                                                                                         |
| <b>IX</b>   | <b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>                                        |     |                                                                                         |
| 1           | Ti vi                                                                          | 23  |                                                                                         |
| 2           | Cát xét                                                                        | 1   |                                                                                         |
| 3           | Đầu Video/đầu đĩa                                                              | 0   |                                                                                         |
| 4           | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể                                           | 0   |                                                                                         |
| 5           | Thiết bị khác: Máy phô tô                                                      | 1   |                                                                                         |
| 6           | Máy in                                                                         | 5   |                                                                                         |

|           |                |                   |
|-----------|----------------|-------------------|
|           | Nội dung       | Số lượng( $m^2$ ) |
| <b>X</b>  | <b>Nhà bếp</b> |                   |
| <b>XI</b> | <b>Nhà ăn</b>  |                   |

|             |                                  |                                          |        |                         |
|-------------|----------------------------------|------------------------------------------|--------|-------------------------|
|             | Nội dung                         | Số lượng phòng, tổng diện tích ( $m^2$ ) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
| <b>XII</b>  | <b>Phòng nghỉ cho HS bán trú</b> |                                          |        |                         |
| <b>XIII</b> | <b>Khu nội trú</b>               |                                          |        |                         |

| XIV | Nhà vệ sinh             | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /học sinh |        |
|-----|-------------------------|--------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
|     |                         |                    | Chung             | Nam/Nữ | Chung                       | Nam/Nữ |
| 1   | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 3                  | 0                 | 2      | 0                           | 90     |
| 2   | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | 0                  | 0                 | 0      | 0                           | 0      |

|       |                                              | Có | Không |
|-------|----------------------------------------------|----|-------|
| XV    | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh             | x  |       |
| XVI   | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)           | x  |       |
| XVII  | Kết nối internet                             | x  |       |
| XVIII | Trang thông tin điện tử (website) của trường | x  |       |
| XIX   | Tường rào xây                                | x  |       |

#### IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường Tiểu học Hải Hòa đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường Tiểu học Hải Hòa đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II tháng 7 năm 2014 và được công nhận lại Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II tháng 12 năm 2021.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng Giáo dục và Đào tạo; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường Tiểu học Hải Hòa đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

- Thành lập hội đồng tự đánh giá.
- Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo tự đánh giá.
- Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 3 và trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

## **V. Kết quả hoạt động giáo dục:**

### **1. Công khai thông tin quy mô trường lớp năm học 2024-2025**

| Khối        | Số lớp    | Số HS      | Nữ         | HS KT     | Dân tộc  | Tỷ lệ HS/lớp | HS khó khăn |
|-------------|-----------|------------|------------|-----------|----------|--------------|-------------|
| 1           | 4         | 167        | 77         | 3         | 0        | 41,75        | 4           |
| 2           | 4         | 154        | 68         | 5         | 0        | 38,5         | 3           |
| 3           | 4         | 130        | 55         | 1         | 0        | 32,5         | 2           |
| 4           | 4         | 160        | 85         | 1         | 0        | 40           | 2           |
| 5           | 4         | 154        | 80         | 0         | 0        | 38,5         | 2           |
| <b>Cộng</b> | <b>20</b> | <b>765</b> | <b>365</b> | <b>10</b> | <b>0</b> | <b>38,25</b> | <b>13</b>   |

### **2. Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học Hải Hòa, năm**

## **IV. Kiểm định chất lượng giáo dục**

Thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, năm học 2024 - 2025 nhà

trường đã tự kiểm tra đánh giá duy trì chuẩn quốc gia Mức độ II, chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, Kiểm định chất lượng cấp độ 3.

## **V. Kết quả hoạt động giáo dục**

Năm học 2024 - 2025, nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh, các quy định về chuyên môn của nhà trường, thường xuyên tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng, tăng cường công tác dự giờ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tạo điều kiện giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do ngành tổ chức giao lưu; nâng cao chất lượng các câu lạc bộ năng khiếu để các phong trào, hội thi đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, đơn vị chủ động, linh hoạt để thực hiện các biện pháp rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Kết quả đạt được:

Thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018.

a. Chất lượng hoàn thành chương trình:

+  $604/611 = 98.85\%$  học sinh được xác nhận Hoàn thành chương trình lớp học.

+  $155/155 = 100\%$  học sinh lớp 5 Hoàn thành chương trình tiểu học và bàn giao học sinh lớp 5 cho Trung học cơ sở đảm bảo chính xác, đúng quy định.

b. Kết quả các cuộc thi và giao lưu:

- Tuyên dương chữ đẹp cấp tỉnh: 01 HS tham gia, đạt giải Khuyến khích.

- Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt:

+ Đã có 142 học sinh tham gia vòng thi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp trường đạt 5 giải Nhất, 23 giải Nhì, 26 giải Ba và 31 giải Khuyến khích.

+ Vòng thi Hương (cấp Huyện) có 72 HS tham dự, trong đó 63 em đạt giải (1 giải Nhất, 13 giải Nhì, 27 giải Ba và 22 giải Khuyến khích).

+ Vòng thi Hội (cấp Tỉnh) có 05 học sinh dự thi, đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì và 02 giải Ba.

- Thi TDTT cấp huyện: Có 06 học sinh dự thi, đạt 01 giải Khuyến khích môn Bóng bàn nữ.

- Hùng biện Tiếng Anh cấp huyện: có 02 học sinh tham gia.

c. Số học sinh được khen thưởng:

- HS Hoàn thành Xuất sắc trong học tập và rèn luyện:  $343/766 = 44.8\%$
- HS tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện:  $198/766 = 25.8\%$

d. Học sinh được được xét duyệt lên lớp:

- HS HTCT lớp học:  $604/611 = 98.85\%$
- Rèn luyện trong hè:  $7/611 = 1.15\%$
- HS HTCTTH:  $155/155 = 100\%$

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

| Nội dung               |                              | Tồn đầu kỳ | Thu trong kỳ  | Chi trong kỳ  | Tồn cuối kỳ |
|------------------------|------------------------------|------------|---------------|---------------|-------------|
| Ngân sách nhà nước cấp |                              |            | 5.339.610.493 | 5.339.610.493 | 0           |
| Thu theo thỏa thuận    | VS lớp học, nhà vệ sinh      | 0          | 123.444.000   | 123.444.000   | 0           |
|                        | Kỹ năng sống                 | 0          | 284.328.000   | 284.328.000   | 0           |
|                        | Nước uống của HS             | 0          | 68.580.000    | 68.580.000    | 0           |
|                        | Trông coi xe đạp             | 0          | 14.130.000    | 14.130.000    | 0           |
|                        | CSSK, hoa hồng BHYT học sinh | 0          | 70.808.796    | 30.818.808    | 39.989.988  |
| Thu hộ, chi hộ         |                              | 0          | 692.284.320   | 692.284.320   | 0           |

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 xong trước ngày ngày 31 tháng 8 năm 2024 trong thực hiện nhiệm vụ năm học.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, giáo viên thực hiện kế hoạch số 117/KH-THHHOA ngày 24 tháng 9 năm 2024, có phân công, phân nhiệm cụ thể các bộ phận, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong đó chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng sửa dụng sách giáo khoa theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ năm học, hướng dẫn tổ chức các sân chơi, hội thi; công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh:

Ngay từ đầu năm học, lãnh đạo nhà trường đã xây dựng các kế hoạch tổ chức, tham gia các sân chơi, các hội thi như Trạng nguyên Tiếng Việt; Viết chữ đúng và đẹp; Hùng biện Tiếng Anh; ...và triển khai tổ chức thực hiện giúp học sinh có thêm sân chơi bổ ích, được học hỏi, tiếp thu kiến thức qua từng vòng thi và đạt nhiều kết quả cao.

Kết quả công tác chỉ đạo chuyên môn

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch họp chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Các tổ chuyên môn chủ động xây dựng nội dung sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng. Xây dựng kế hoạch tổ chức thao giảng, chuyên đề, dự giờ thăm lớp để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Kết quả: trong năm học 2024 - 2025 đã tổ chức 5 chuyên đề, 17 tiết thao giảng.

Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn cùng giáo viên phụ trách bộ môn đã tham dự đầy đủ các chuyên đề do cụm trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu, Sở GDĐT tỉnh Nam Định tổ chức.

## 2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục.

Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Kết quả việc tổ chức xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học, KHBD

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình từ năm học 2020 - 2021 đối với lớp 1, năm học 2021 - 2022 đối với lớp 2, năm học 2022 - 2023 đối với lớp 3, năm học 2023 - 2024 đối với lớp 4, năm học 2024 - 2025 đối với lớp 5 đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục từ đầu năm học làm cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động tại đơn vị, hướng dẫn các tổ chuyên môn thực

hiện kế hoạch giáo dục môn học. Căn cứ thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Thông tư ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học, cán bộ quản lý đã sâu sát trong việc triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch bài dạy/môn/tiết có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Kết quả: 100% giáo viên có kế hoạch bài dạy đã được duyệt khi lên lớp. Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc như: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Hoạt động trải nghiệm, Khoa học, Lịch sử & Địa lý. Riêng lớp 3, 4, 5 có thêm môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ; tổ chức các hoạt động củng cố để HS tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học.

Giáo viên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh, thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng HS, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chưa phù hợp, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung chưa thực sự cấp thiết đối với HS tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng HS; tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS. Học sinh nắm được chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học, hoạt động giáo dục. Đa số học sinh năng động, sáng tạo và có kỹ năng sống, phát triển các năng lực và phẩm chất cần thiết.

Đơn vị rất quan tâm việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, dạy học STEM ở các môn học, hoạt động giáo dục để giúp HS có kỹ năng thực hành, phát triển kỹ năng sống, đã xây dựng vườn thuốc Nam, vườn rau, hoa các loại, củng cố thư viện, các góc học tập, tạo điều kiện để học sinh được trải nghiệm, học tập đạt hiệu quả.

3. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số.

### 3.1. Đối với giáo dục STEM

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDPT cấp tiểu học.

100% CB, GV được tập huấn giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tham dự các chuyên đề cấp cụm trường, cấp huyện nhằm tăng cường trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy học STEM, bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của học sinh. Kết quả: 100% lớp thực hiện.

Giáo viên Mĩ thuật đã áp dụng giáo dục STEM trong dạy và học.

3.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số nhà trường đã triển khai chuyển đổi số trong duyệt kế hoạch bài dạy, thực hiện hồ sơ chuyên môn và trao đổi thông tin liên quan công tác chuyên môn. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện.

Nhà trường đã tăng cường đầu tư CSVC, hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học môn Tin học; bồi dưỡng GV Tin học nói riêng và GV toàn trường nói chung để sẵn sàng triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở đơn vị thông qua các hình thức: dạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPT 2018; Tổ chức các câu lạc bộ giáo dục kỹ năng công dân số (CLB Tin học, CLB Tiếng Anh,...).

### 3.3. Đối với việc triển khai Học bạ số

100% giáo viên đánh giá học sinh qua ứng dụng phần mềm, thực hiện học bạ số.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018.

Căn cứ tài liệu giáo dục địa phương các lớp 1, 2, 3, 4, 5 được Bộ GDĐT phê duyệt, đơn vị đã xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương theo hướng tích hợp, lồng ghép vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của HS theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho HS khi thực hiện, đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ GDĐT theo Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học.

5. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.

#### 5.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng dạy học phân hóa, dạy học tích hợp và dạy học thông qua các hoạt động nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của HS; vận dụng phù hợp những thành tích của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Nhà trường luôn quan tâm, thực hiện dạy học tích hợp các nội dung giáo dục: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bảo vệ môi trường; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; quyền và bổn phận của trẻ em; giáo dục quốc phòng an ninh; an toàn giao thông; phòng chống xâm hại, tai nạn thương tích; kỹ năng sống, ... vào các môn học và hoạt động giáo dục. Việc tích hợp cần chủ động xây dựng theo yêu cầu linh hoạt, hợp lý, hiệu quả theo hướng tích hợp bộ phận hoặc toàn phần, nhẹ nhàng, không gây áp lực học tập đối với HS và giảng dạy đối với GV; rà soát, phát hiện, lược bớt những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cùng cấp học.

#### 5.2. Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Thực hiện đánh giá HS lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5 theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ giáo dục và đào tạo.

100% cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia để quản lý kết quả giáo dục và học tập của HS để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho GV quan tâm đến HS và nâng cao hiệu quả các phương pháp dạy học.

Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp 5 rà soát hồ sơ học sinh. Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên dạy lớp 5 họp xét hoàn thành chương trình tiểu học, thực hiện nghiêm túc việc tổ chức bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để HS “ngồi nhầm lớp”; GVCN thực hiện đề nghị khen thưởng, viết thư khen HS thực chất, đúng quy định.

Thực hiện biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo quy định, đúng các mức độ theo tinh thần tập huấn của Sở GDĐT.

6. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Đối với học sinh khuyết tật, nhà trường thực hiện giảng dạy theo hình thức giáo dục hòa nhập. Học sinh được học tập theo chương trình phổ thông dưới sự hỗ trợ từ cha mẹ học sinh, tạo điều kiện cho con em tham gia các hoạt động tập thể.

Trường có 11 học sinh học hòa nhập (khối lớp Một: 03; khối lớp Hai: 05; khối lớp Ba: 01; khối lớp Bốn: 01; khối lớp Năm: 01).

Việc kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh khuyết tật: Phó Hiệu trưởng giám sát học sinh làm bài, giáo viên chủ nhiệm phối hợp kiểm tra đọc cùng sự hỗ trợ của bạn học. Bài kiểm tra sẽ được ghi điểm và đánh giá, tạo điều kiện để học sinh phát triển năng lực, phẩm chất đúng phương châm “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”. Kết quả: 07/11 Học sinh hoàn thành chương trình lớp học và Hoàn thành Chương trình tiểu học. Tỷ lệ: đạt 63,6%.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ các đoàn thể và giáo viên trong trường, được giáo viên quan tâm, hỗ trợ từ tinh thần đến vật chất, tạo điều kiện giúp học sinh vượt khó, học tốt. Phối hợp với mạnh thường quân hỗ trợ cho trẻ khó khăn, đảm bảo khâu “3 đủ”.

7. Củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

7.1. Về đội ngũ GV và CBQL giáo dục

Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) là 30, trong đó: CBQL: 02. Trình độ Đại học có 30/30, đạt tỷ lệ 100%

7.2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Đơn vị đã chủ động rà soát các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học sẵn có kết hợp với thiết bị dạy học mới để tổ chức dạy học hiệu quả. Tăng cường sửa chữa,

trang bị cơ sở vật chất (phòng lớp, bàn ghế, trang thiết bị dạy học, ...), huy động nguồn lực hỗ trợ CSVC cho nhà trường đúng quy định để đảm bảo việc tổ chức dạy học hiệu quả đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, HS thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

7.3. Về duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo PCGD-XMC cấp xã huy động 100% trẻ đến trường ngay từ đầu năm học. Tiếp tục tham mưu với các đơn vị có liên quan về giải pháp thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định của Chính phủ (Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ) và Bộ GDĐT (Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ); tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung chỉ đạo mức độ đạt chuẩn cần gắn liền với các điều kiện đảm bảo nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định, lưu trữ hồ sơ, minh chứng năm học làm cơ sở tái công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

7.4. Về công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo

Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 đảm bảo thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định, đảm bảo sự tham gia của các lực lượng như: Hội đồng trường, CBQL, GV, nhân viên, HS, cha mẹ HS, cộng đồng xã hội... để giúp nhà trường huy động được các nguồn lực và cộng đồng trách nhiệm trong việc xây dựng, thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Cán bộ quản lý sâu sát trong công tác chỉ đạo, thường xuyên giám sát, kiểm tra việc tổ chức các hoạt động dạy và học, giáo dục học sinh. Kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ giáo viên gặp khó khăn trong công tác quản lý, phối hợp cha mẹ học sinh trong giáo dục học sinh đã thu hút sự quan tâm, ủng hộ, đồng hành của cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục và hoạt động phong trào tại đơn vị.

### 7.5. Hoạt động khác.

- Tuyên dương chữ đẹp cấp tỉnh: 01 HS tham gia, đạt giải Khuyến khích.
- Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt:
  - + Đã có 142 học sinh tham gia vòng thi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp trường đạt 5 giải Nhất, 23 giải Nhì, 26 giải Ba và 31 giải Khuyến khích.
  - + Vòng thi Hương (cấp Huyện) có 72 HS tham dự, trong đó 63 em đạt giải (1 giải Nhất, 13 giải Nhì, 27 giải Ba và 22 giải Khuyến khích).
  - + Vòng thi Hội (cấp Tỉnh) có 05 học sinh dự thi, đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì và 02 giải Ba.
- Thi TDTT cấp huyện: Có 06 học sinh dự thi, đạt 01 giải Khuyến khích môn Bóng bàn nữ.
- Hùng biện Tiếng Anh cấp huyện: có 02 học sinh tham gia.
- Thi giáo viên Giỏi cấp huyện, có 01 giáo viên tham gia thi và được công nhận đạt danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi cấp huyện” - Đó là cô giáo Đinh Thị Thủy.
- Kết quả triển khai Chương trình trao tặng mũ bảo hiểm cho HS lớp 1 năm học 2024 - 2025: Ban An toàn giao thông đã đồng hành cùng nhà trường. Kết quả:  $167/167 = 100\%$  HS lớp 1 được trao tặng mũ bảo hiểm.
- Kết quả triển khai phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực được đơn vị luôn quan tâm, thực hiện tốt phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” qua xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích. Trong năm học 2024 - 2025 không để xảy ra trường hợp vi phạm quy định. Đa số học sinh ngoan, tích cực trong các hoạt động phong trào, tham gia sôi nổi trong nhiều hoạt động và đã đạt được nhiều kết quả cao.

### 9. Công tác truyền thông.

Nhà trường đã làm tốt công tác truyền thông. Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách đổi mới của giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Thông báo sách giáo khoa áp dụng giảng dạy theo chương trình phổ thông 2018 trên Website của trường đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5 để cha mẹ học sinh nắm được.

Đội ngũ nhà giáo, CBQL quan tâm viết bài và đưa tin về các hoạt động của

trường, của Ngành về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, những gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học.... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng thu hút sự quan tâm, ủng hộ trong cha mẹ học sinh. Kết quả trong năm học 2024 - 2025 nhà trường có 02 bài được đăng trên trang websits của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hải Hậu đó là bài viết của cô giáo Vũ Thị Nguyệt và bài viết của cô giáo Nguyễn Thị Hiền, có nhiều bài truyền thông được đăng trên trang websits của nhà trường.

Trên đây là báo cáo kết quả thường niên năm học 2024 - 2025 (Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Hải Hòa.

***Nơi nhận:***

- PGDĐT; (để b/c)
- Website của trường;
- Lưu VT./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Thị Yên**